

VOCABULARY CHECK

绿
色
环
保
从
我
做
起

绿
色
环
保
从
我
做
起

- biết quan tâm chăm sóc, chu đáo (adj)
- các quy định an toàn (n)
- cẩn thận (adj)
- công nhân quét đường (n)
- dũng cảm, can đảm (adj)
- lính cứu hỏa rừng (n)
- người chăm sóc cây cảnh (n)
- người chăm sóc động vật trong sở thú (n)
- nhà dinh dưỡng cho động vật (n)
- phẩm chất, đức tính (n)
- sáng tạo (adj)
- thu thập dữ liệu (v)

